TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG ----------*----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2018**/DS-ST
Ngày 15/5/2018.
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi "*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thúy An.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Mỹ Hà.

2. Ông Phạm Văn Năm.

- *Thư ký phiên tòa:* **Ông Nguyễn Duy Hải** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:* **Ông Nguyễn Quốc Nam** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 171/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2017, về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Phạm Thị O** sinh năm 19xx.

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh G.

- *Bị đơn*: **Phạm Ngọc N** sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Ấp G, xã TH, huyện G, tỉnh G.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: **Phùng Thị H**, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Ấp G, xã TH, huyện G, tỉnh G.

(chị O có mặt, chị N và chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo Đơn khởi kiện ngày 04/12/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị O trình bày:* Chị N có tham gia góp hụi do chị làm chủ hụi. Dây hụi mở ngày 15/01/2015 Al đến ngày 15/4/2017 Al kết thúc, hụi 1.000.000 đồng/tháng/phần, gồm 28 phần, chị N tham gia 01 phần. Đến ngày 15/4/2015 Al, chị N hốt hụi với số tiền 18.870.000 đồng. Chị đã giao đủ cho chị N số tiền này theo biên nhận ngày 25/4/2015 Al. Sau khi hốt hụi, chị N góp được 10 tháng hụi chết, đến ngày 15/02/2016 Al thì ngưng nên còn nợ 14 tháng hụi chết với

số tiền: 14 tháng x 1.000.000 đồng/tháng/phần = 14.000.000 đồng. Chị yêu cầu chị N trả lại số tiền này một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- *Tại Biên bản lấy lời khai bị đơn chị Phạm Ngọc N trình bày:* Chị có tham gia góp dây hụi mở ngày 15/01/2015 Al, hụi 1.000.000 đồng/tháng/phần, gồm 28 phần. Chị đã hốt hụi nhưng hốt khi nào và được bao nhiêu tiền, chị không nhớ. Hàng tháng, chị góp hụi cho chị H và khi hốt hụi do chị H giao tiền. Đồng thời, khi giao tiền hốt hụi có mặt chị, chị O, chị H và chị có ký tên vào biên nhận ngày 25/4/2015 Al nhưng lúc đó chị có hỏi chị H: "Tại sao chị H không đứng tên mà để tên của chị Phạm Thị O", chị H trả lời: "Hai chị em hùn chơi hụi chung". Nay chị O yêu cầu chị trả lại số tiền hụi còn nợ là 14.000.000 đồng, chị không đồng ý trả. Vì thời gian đã lâu chị không nhớ rõ số tiền còn nợ là bao nhiêu. Khi nào chị H về, chị sẽ giải quyết phần hụi này với chị H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phùng Thị H* đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định nhưng chị H đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội thẩm nhân dân và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Và về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị O, buộc chị N trả cho chị O số tiền hụi còn nợ là 14.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của chị O và chị N, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp giữa chị O và chị N là quan hệ tranh chấp hợp đồng góp hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt chị H. Ngày 13/12/2017, chị N có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án do đi làm xa nhà. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt chị N.

Về yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, chị O yêu cầu chị N trả lại số tiền còn nợ là 14.000.000 đồng. Vì chị N có tham gia góp 01 phần hụi của dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày 15/01/2015 (Al). Đến ngày 15/4/2015 Al, chị N hốt hụi với số tiền 18.870.000 đồng. Chị đã giao đủ số tiền này cho chị N theo biên nhận ngày 25/4/2015 Al (bút lục 22). Sau khi hốt hụi, chị N góp được 10 tháng hụi chết,

đến ngày 15/02/2016 Al thì ngưng nên còn nợ 14 tháng hụi chết với số tiền: 14 tháng x 1.000.000 đồng/tháng/phần = 14.000.000 đồng. Xét thấy:

Tại Biên bản lấy lời khai (Bút lục 20), chị N thừa nhận có tham gia góp hụi của dây hụi mở ngày 15/01/2015 Al, chị đã hốt phần hụi này và đã nhận tiền nhưng chị cho rằng mọi giao dịch liên quan đến phần hụi này chị giao dịch với chị H, chứ không phải chị O nên không đồng ý trả tiền hụi còn nợ cho chị O nhưng chị không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh cho vấn đề này và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, qua Biên bản xác minh (bút lục 33) tại Công an xã Tăng Hòa xác nhận chị H đã bỏ địa phương đi khoảng 01 năm nay. Tuy nhiên, chị N thừa nhận có ký tên vào biên nhận ngày 25/4/2015 Al (bút lục 22), khi giao tiền hốt hụi và khi ký tên vào biên nhận có mặt chị và chị O, chị cũng biết nội dung trong biên nhận phần hụi này do chị O làm chủ hụi nhưng chị vẫn đồng ý ký tên.

Do đó, từ những cơ sở trên xác định chị N có tham gia góp 01 phần hụi của dây hụi mở ngày 15/01/2015 Al, chị N đã hốt hụi nên phải có nghĩa vụ góp lại hụi chết cho chủ hụi. Do đó, yêu cầu của chị O là có cơ sở phù hợp với khoản 2 Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc chị N có nghĩa vụ trả lại chị O số tiền còn nợ là 14.000.000 đồng.

Về thời gian trả, tại phiên tòa chị O yêu cầu chị N trả số tiền trên một lần, khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, yêu cầu của chị O là có cơ sở. Vì dây hụi mở ngày 15/01/2015 Al, đã kết thúc vào ngày 15/4/2017 Al nhưng đến nay chị N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền đã làm ảnh H đến quyền lợi của chị O nên buộc chị N phải trả lại chị O số tiền hụi còn nợ là 14.000.000 đồng làm một lần, khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chị N có nghĩa vụ trả nợ nên chị N phải chịu 5% án phí (14.000.000 đồng x 5% = 700.000 đồng) theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Chị O không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 471, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** <u>Xử:</u> Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị O.**

- Buộc chị Phạm Ngọc N có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị O số tiền là **14.000.000 đồng** *(Mười bốn triệu đồng)* trả một lần, khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị O có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị N chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng chị N phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

• Chị N phải chịu án phí là **700.000 đồng** *(Bảy trăm nghìn đồng)*.

• Hoàn lại chị O số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 350.000 đồng *(Ba trăm năm mươi nghìn đồng)* theo biên lai số 45358 ngày 04/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án đến Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang để xét xử phúc thẩm. Riêng chị N và chị H thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

<u>Nơi nhận:</u>
- VKSND huyện GCĐ;
- Chi cục THADS huyện GCĐ;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy An